

Số: /KH-SGDĐT

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
triển khai khảo sát năng lực Tiếng Anh
đối với giáo viên phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Kế hoạch số 179/KH-BGDĐT ngày 03/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Tổ chức khảo sát năng lực Tiếng Anh, xác định nhu cầu bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo dạy Tiếng Anh, tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy các môn học, chuyên ngành khác bằng Tiếng Anh; Công văn số 816/NGCBQLGD-PTNGCB ngày 26/5/2026 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức khảo sát năng lực Tiếng Anh đối với giáo viên phổ thông;

Trên cơ sở kết quả rà soát, tự đánh giá năng lực Tiếng Anh của đội ngũ giáo viên (trừ giáo viên dạy Tiếng Anh) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Sở GDĐT phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN) xây dựng kế hoạch triển khai khảo sát năng lực Tiếng Anh đối với giáo viên các trường phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Khảo sát nắm bắt thực trạng năng lực Tiếng Anh của đội ngũ giáo viên phổ thông (trừ giáo viên môn Tiếng Anh) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đo lường chính xác trình độ Tiếng Anh của đội ngũ giáo viên phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (trừ giáo viên môn Tiếng Anh). Trên cơ sở thực trạng trình độ Tiếng Anh được khảo sát, tham mưu Bộ GDĐT thiết kế các khóa đào tạo phù hợp để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Lưu ý: Kết quả khảo sát năng lực Tiếng Anh của đội ngũ giáo viên được bảo mật, chỉ sử dụng vào việc quản lý, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo tại địa phương thực hiện đưa Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Không sử dụng kết quả khảo sát này cho việc đánh giá giáo viên.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng khảo sát

Giáo viên các trường phổ thông công lập (bao gồm các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và Trung tâm Giáo dục thường xuyên) (sau đây gọi tắt là giáo viên phổ thông) đã tự đánh giá năng lực sử dụng Tiếng Anh tại thời điểm hiện nay từ bậc 2 đến bậc 4 (trừ giáo viên dạy môn Tiếng Anh).

2. Hình thức, địa điểm và thời gian khảo sát

a) Hình thức và địa điểm khảo sát

- Khảo sát trực tuyến tập trung tại các trường phổ thông;
- Mỗi trường là một điểm khảo sát;
- Căn cứ số lượng giáo viên đăng ký tham gia, Trưởng Ban tổ chức khảo sát xây dựng lịch khảo sát cụ thể, bảo đảm không quá 30 giáo viên/phòng máy/ca khảo sát.

b) Thời gian làm bài khảo sát

Để bảo đảm việc tổ chức khảo sát được triển khai thống nhất tại tất cả các điểm khảo sát, thời gian thực hiện đối với mỗi ca khảo sát được quy định như sau:

- Người tham gia khảo sát phải có mặt tại điểm khảo sát trước giờ bắt đầu ít nhất 30 phút để thực hiện các thủ tục điểm danh, xác thực thông tin và ổn định vị trí.

- Trước khi bắt đầu làm bài, cán bộ giám sát dành 15 phút để phổ biến các quy định, hướng dẫn thao tác trên hệ thống và kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị.

- Thời gian thực hiện bài khảo sát được áp dụng theo từng kỹ năng, cụ thể như sau:

- + Kỹ năng Nghe: 40 phút;
- + Kỹ năng Đọc: 60 phút;
- + Kỹ năng Nói: 15 phút;
- + Kỹ năng Viết: 60 phút.

c) Thời gian khảo sát: từ ngày 22/6/2026 đến ngày 26/6/2026

Lịch khảo sát cụ thể:

Ngày	Ca khảo sát	Ca sáng (8h00-11h00)	Ca khảo sát	Ca chiều (14h00-17h00)
22/6/2026	Ca 1	Giáo viên Tiểu học	Ca 2	Giáo viên Tiểu học
23/6/2026	Ca 3	Giáo viên Tiểu học	Ca 4	Giáo viên THCS
24/6/2026	Ca 5	Giáo viên THCS	Ca 6	Giáo viên THCS
25/6/2026	Ca 7	Giáo viên THPT	Ca 8	Giáo viên THPT
26/6/2026	Ca 9	Giáo viên THPT và GDTX	Ca 10	Dự phòng

Ca chiều ngày 26/6/2026 được bố trí làm ca dự phòng để xử lý các trường hợp phát sinh.

d) Nguyên tắc phân ca tại từng trường

Số giáo viên đăng ký	Số ca cần bố trí
≤ 30 người	01 ca
31 - 60 người	02 ca
61 - 90 người	03 ca
91 - 120 người	04 ca
Trên 120 người	Bố trí toàn bộ các ca theo lịch của cấp học

- Phương án dự phòng ngày 26/6 (ca chiều) dành cho:

- + Giáo viên vắng mặt có lý do chính đáng;
- + Giáo viên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình làm bài;
- + Các trường hợp phát sinh số lượng đăng ký bổ sung.

3. Tập huấn và hướng dẫn trước khảo sát

a) Tập huấn cho cán bộ tổ chức khảo sát

- Đối tượng tập huấn: Trưởng Ban khảo sát, Phó Trưởng Ban khảo sát, thư ký, cán bộ giám sát, cán bộ đầu mối của các trường và tổ kỹ thuật.

- Hình thức tập huấn: Tổ chức trực tuyến thông qua nền tảng họp trực tuyến do Trường ĐHNN chủ trì.

- Thời gian tập huấn: trước ngày 19/6/2026.

- Nội dung tập huấn:

- + Quy trình tổ chức khảo sát trực tuyến tập trung;
- + Quy trình giám sát và xử lý vi phạm;
- + Quy trình xác nhận dữ liệu khảo sát (thông tin tài khoản của thí sinh, dữ liệu quá trình khảo sát, dữ liệu giám sát);
- + Quy trình xử lý sự cố kỹ thuật.

- Tài liệu tập huấn: tại link <https://ktdbclgd.ufl.udn.vn/thong-bao/5448/>

b) Hướng dẫn cho người dự khảo sát

Việc hướng dẫn cho người dự khảo sát được thực hiện thông qua các tài liệu hướng dẫn trực quan nhằm giúp người dự khảo sát làm quen với quy trình và thao tác trên hệ thống trước ngày khảo sát chính thức.

- Thời gian gửi hướng dẫn: trước ngày 19/6/2026.

- Nội dung hướng dẫn bao gồm:

- + Video hướng dẫn tham gia kỳ khảo sát.
- + Tài liệu hướng dẫn dạng infographic hoặc PDF.

4. Phương án hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố

- Tại mỗi điểm khảo sát, các trường phải bố trí tối thiểu 01 đầu mối kỹ thuật thường trực và công bố thông tin liên hệ để phối hợp với Trường ĐHNN.

- Trường ĐHNN thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật trong suốt thời gian tổ chức khảo sát:

+ Đường dây nóng số 1: 0905526255 (Anh Đặng Ngọc Sang)

+ Đường dây nóng số 2: 0905559623 (Cô Phạm Thị Tố Như)

- Các tình huống có thể phát sinh trong quá trình khảo sát bao gồm: Mất kết nối Internet; mất điện; máy tính bị treo hoặc lỗi phần mềm; không đăng nhập được hệ thống; lỗi camera, micro hoặc tai nghe; người dự khảo sát đăng nhập sai tài khoản; các tình huống bất khả kháng khác....

- Khi phát sinh sự cố, cán bộ kỹ thuật tại điểm khảo sát phải thông báo ngay cho đầu mối kỹ thuật của Trường ĐHNN, đồng thời ghi nhận đầy đủ nội dung sự cố, thời điểm xảy ra, phương án xử lý và kết quả xử lý để phục vụ công tác đối soát và báo cáo sau kỳ khảo sát.

5. Yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị

- Các điểm khảo sát phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và thiết bị kỹ thuật trước khi đưa vào tiến hành đợt khảo sát.

- Về hạ tầng công nghệ: mỗi điểm khảo sát phải có đường truyền Internet ổn định, đồng thời chuẩn bị phương án kết nối Internet dự phòng để bảo đảm không bị gián đoạn trong quá trình tổ chức khảo sát. Nguồn điện phải được duy trì liên tục và khuyến khích trang bị thiết bị lưu điện (UPS) cho các thiết bị trọng yếu.

- Về không gian tổ chức: các phòng khảo sát phải bảo đảm đủ diện tích, đủ ánh sáng, yên tĩnh và thuận lợi cho công tác giám sát. Việc bố trí máy tính phải bảo đảm khoảng cách phù hợp giữa các vị trí ngồi, đáp ứng yêu cầu an ninh, an toàn và quản lý người dự khảo sát.

- Về thiết bị: mỗi người dự khảo sát được bố trí một máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu theo quy định của Trường ĐHNN và có tối thiểu từ 5% đến 10% số lượng máy dự phòng tại mỗi điểm khảo sát.

- Máy tính sử dụng để tổ chức khảo sát phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Bộ vi xử lý (CPU): Tối thiểu Intel Core i3. Khuyến nghị Core i5.

+ Bộ nhớ trong (RAM): Tối thiểu 4GB. Khuyến nghị 8GB

+ Có thiết bị tai nghe có chức năng nghe và ghi âm tốt (khuyến cáo là USB).

+ Máy tính cài đặt hiển thị đúng ngày giờ.

+ Cài đặt sẵn trình duyệt bảo mật (Safe Exam Browser – SEB).

Trước ngày khảo sát, tất cả các điểm khảo sát phải hoàn thành việc kiểm tra, chạy thử hệ thống và xác nhận mức độ sẵn sàng theo checklist thống nhất do Trường ĐHNN ban hành.

III. KINH PHÍ

1. Kinh phí chuyên môn thực hiện khảo sát do Trường ĐHNN tài trợ (kinh phí hệ thống khảo sát, nhân sự chuyên môn, kỹ thuật điều hành hệ thống, đề thi, chấm thi)

2. Kinh phí phục vụ hậu cần, công tác chỉ đạo, giám sát, tổ kỹ thuật điểm thi và nhân sự tại điểm thi do trường phổ thông công lập có giáo viên tham gia khảo sát chi trả theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ công tác khảo sát, lập danh sách giáo viên tham gia khảo sát và thành lập tổ giám sát bảo đảm việc khảo sát được thực hiện nghiêm túc, khách quan;

- Phối hợp với Trường ĐHNN (đơn vị khảo sát được lựa chọn) thống nhất phương án và tổ chức khảo sát bảo đảm nghiêm túc, đúng thời gian quy định;

- Báo cáo việc lựa chọn đơn vị khảo sát, thời gian thực hiện khảo sát và danh sách tổ công tác về Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục trước khi tổ chức khảo sát 05 ngày làm việc để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ có phương án kiểm tra, giám sát.

- Thành lập tổ công tác thực hiện nhiệm vụ khảo sát; theo dõi, giám sát quá trình tổ chức khảo sát; phối hợp xử lý các tình huống phát sinh, khiếu nại, phản ánh liên quan đến công tác khảo sát.

2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

- Phối hợp với Sở GDĐT hướng dẫn tổ chức khảo sát năng lực tiếng Anh đối với giáo viên phổ thông công lập trên địa bàn thành phố;

- Cung cấp hệ thống khảo sát trực tuyến; xây dựng, quản lý và vận hành phần mềm khảo sát; bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong suốt quá trình tổ chức khảo sát;

- Tổ chức tập huấn và hướng dẫn trực tuyến cho hai nhóm đối tượng gồm cán bộ tổ chức kỳ khảo sát và người dự khảo sát, bảo đảm việc triển khai thống nhất tại tất cả các điểm khảo sát trước ngày 20/6/2026.

- Thành lập bộ phận hỗ trợ kỹ thuật; duy trì đường dây nóng và hỗ trợ trực tuyến trong toàn bộ thời gian diễn ra khảo sát để kịp thời xử lý các sự cố phát sinh.

- Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát; bàn giao cơ sở dữ liệu và báo cáo kết quả khảo sát cho Bộ GDĐT, Sở GDĐT theo quy định. Phối hợp với Sở GDĐT tham mưu các nội dung liên quan đến nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ giáo viên phổ thông trên cơ sở kết quả khảo sát.

3. Các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thông báo, phổ biến kế hoạch triển khai khảo sát năng lực Tiếng Anh đối với giáo viên phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến các trường

phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Các trường phổ thông công lập và các Trung tâm GDTX

a) Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở GDĐT về công tác tổ chức khảo sát năng lực tiếng Anh tại đơn vị đảm bảo an toàn, nghiêm túc và đúng quy định.

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát năng lực tiếng Anh tại đơn vị.

c) Rà soát, lập danh sách giáo viên tham gia khảo sát năng lực tiếng Anh (theo mẫu tại phụ lục 1 đính kèm); thông báo đầy đủ đến giáo viên thuộc đối tượng tham gia khảo sát; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giáo viên đăng ký dự khảo sát; gửi danh sách giáo viên tham gia khảo sát năng lực tiếng Anh về Sở GDĐT qua địa chỉ email vutd1@danang.com đồng thời nhập thông tin giáo viên tham gia khảo sát tại đường link dưới đây **trước ngày 20/6/2026** để tổng hợp, cấp tài khoản cho giáo viên tham gia khảo sát theo quy định.

- Trường Tiểu học: <https://forms.gle/reHdfJJ2FumWrWMH7>

- Trường Trung học cơ sở: <https://forms.gle/5EjbUKzwwghRgCQex6>

- Trường THPT và Trung tâm GDTX: <https://forms.gle/mLRs8qZYDt6M4yeUA>

Lưu ý:

- Thủ trưởng các đơn vị phải lập đầy đủ danh sách giáo viên thuộc đối tượng khảo sát tương ứng với số lượng giáo viên đã thực hiện tự đánh giá năng lực Tiếng Anh từ bậc 2 đến bậc 4 do đơn vị rà soát, báo cáo (theo phụ lục 2 đính kèm).

- Đối với trường có nhiều cấp học thì đơn vị phải nhập thông tin giáo viên tham gia khảo sát theo từng cấp học tương ứng.

d) Bố trí địa điểm khảo sát, phòng máy tính, đường truyền Internet, nguồn điện, thiết bị âm thanh, tai nghe và các điều kiện cơ sở vật chất khác bảo đảm phục vụ khảo sát theo quy định.

đ) Thành lập Ban Tổ chức khảo sát và Tổ kỹ thuật; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; tổ chức thực hiện đúng quy trình, hướng dẫn của Sở GDĐT và Trường ĐHNN.

- Ban Tổ chức khảo sát tại điểm khảo sát (tối thiểu có 03 thành viên), gồm: Trưởng Ban (Đại diện lãnh đạo nhà trường), Phó trưởng Ban (nếu cần), Thư ký và Cán bộ giám sát.

- Tổ kỹ thuật tại điểm khảo sát, gồm: Tổ trưởng Tổ kỹ thuật, Cán bộ kỹ thuật thường trực hỗ trợ xử lý sự cố thiết bị, mạng và phần mềm khảo sát.

- Danh sách thành viên Ban Tổ chức khảo sát và Tổ kỹ thuật của đơn vị (theo mẫu tại phụ lục 3 đính kèm) gửi về Sở GDĐT qua địa chỉ email vutd1@danang.com đồng thời nhập thông tin liên hệ qua đường link dưới đây **trước ngày 19/6/2026** để kịp thời tổng hợp, tổ chức tập huấn.

+ Trường Tiểu học: <https://forms.gle/wSm8PiGYymeOQBvL9>

+ Trường Trung học cơ sở: <https://forms.gle/cmUxa2ddo1eFwxhs5>

+ Trường THPT và Trung tâm GDTX: <https://forms.gle/YswAyQSVnfZahosu6>

e) Cử đầy đủ cán bộ quản lý, giám sát và nhân viên kỹ thuật tham gia các lớp tập huấn do Trường ĐHNN tổ chức; triển khai hướng dẫn lại cho giáo viên tham gia khảo sát tại đơn vị.

g) Trách nhiệm của Ban Tổ chức khảo sát

- Xây dựng lịch khảo sát cụ thể tại đơn vị trên cơ sở số lượng giáo viên đăng ký tham gia, bảo đảm phù hợp với khung thời gian do Sở GDĐT quy định.

- Thông báo tài khoản, thời gian, địa điểm khảo sát và các yêu cầu kỹ thuật đến từng giáo viên; đôn đốc giáo viên tham gia đầy đủ, đúng thời gian quy định.

- Tổ chức điểm danh, xác thực thông tin người dự khảo sát; bảo đảm công tác giám sát, an ninh, an toàn và tính khách quan trong suốt quá trình khảo sát.

- Chủ động phối hợp với Trường ĐHNN để xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh; kịp thời báo cáo Sở GDĐT những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết.

- Tổng hợp tình hình tổ chức khảo sát tại đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện, số lượng giáo viên tham gia, số lượng vắng mặt và các vấn đề phát sinh về Sở GDĐT theo thời gian quy định.

h) Trách nhiệm của Tổ kỹ thuật

- Chuẩn bị đầy đủ hệ thống máy tính, thiết bị ngoại vi, tai nghe, đường truyền Internet, nguồn điện và các điều kiện kỹ thuật phục vụ khảo sát yêu cầu;

- Cài đặt, kiểm tra và cập nhật các phần mềm phục vụ khảo sát; đảm bảo tất cả các máy tính sử dụng để khảo sát đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định;

- Tổ chức kiểm tra, thử nghiệm hệ thống, thiết bị và khảo sát khảo sát trước ngày khảo sát chính thức; tiêu chuẩn ở mức tối thiểu từ 5% đến 10% số lượng máy tính dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh;

- Thường trực trong suốt thời gian khảo sát để giám sát hoạt động của hệ thống, thiết bị và hệ thống mạng; kết hợp bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Trường ĐHNN để xử lý các vấn đề như: lỗi đăng nhập, lỗi phần mềm khảo sát hoặc các lỗi kỹ thuật khác.

5. Thiết lập hệ thống điều hành và hỗ trợ

- Nhằm bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ được thực hiện thông suốt, Sở GDĐT phối hợp với Trường ĐHNN thiết lập hệ thống các nhóm Zalo phục vụ công tác tổ chức kỳ khảo sát.

- Hệ thống này bao gồm: nhóm chỉ đạo chung giữa Sở GDĐT và Trường ĐHNN; và các nhóm điều hành theo đề xuất chung của Sở và Trường (Nhóm nhóm hỗ trợ kỹ thuật; nhóm kết nối các cán bộ đầu mối của các trường; và nhóm hỗ trợ người tham gia khảo sát trong suốt quá trình khảo sát....)

- Các nhóm Zalo được sử dụng để truyền đạt thông tin chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các đơn vị, tiếp nhận và xử lý các tình huống phát sinh, đồng thời bảo đảm việc hỗ trợ kỹ thuật và giải đáp các thắc mắc được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và liên tục trong suốt thời gian tổ chức khảo sát.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ ông Thái Duy Vũ, chuyên viên chính Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT (số điện thoại 0377444449) hoặc đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật của Trường ĐHNN (ông Đặng Ngọc Sang, số điện thoại 0905526255; bà Phạm Thị Tô Như, số điện thoại 0905559623) để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai khảo sát năng lực Tiếng Anh đối với giáo viên phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng của Sở GDĐT./.

Nơi nhận:

- Cục NGCBQLGD, Bộ GDĐT (để b/c);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng;
- Phòng VHXXH các xã, phường, đặc khu;
- Phòng Giáo dục Tiểu học Sở GDĐT;
- Phòng GDT&H&HSSV, Sở GDĐT;
- Các trường TH, THCS và THPT công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, TCCB. TĐVũ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Tấn Ngọc Thụy

Phụ lục 1

Danh sách giáo viên tham gia khảo sát năng lực Tiếng Anh

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-TCCB ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Số căn cước công dân</i>	<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Đơn vị (Ghi đầy đủ cấp học, tên trường)</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Đợt khảo sát</i>
<i>Ví dụ 1</i>	<i>Nguyễn Văn A</i>	<i>01/01/1990</i>	<i>048090000678</i>	<i>Đại học Sư phạm Toán</i>	<i>Trường THCS Lê Lợi</i>	<i>Ngũ Hành Sơn</i>	<i>Đợt 4</i>
2							
3							
...							

Phụ lục 2

Phân công đợt đánh giá, khảo sát năng lực Tiếng Anh và số lượng giáo viên đã thực hiện tự đánh giá năng lực Tiếng Anh từ bậc 2 đến bậc 4 do đơn vị rà soát, báo cáo

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-TCCB ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Trực thuộc Sở/Xã/phường	Tên đơn vị	Tổng số giáo viên của đơn vị	Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2	Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3	Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4	Ca khảo sát
I	TIỂU HỌC						
1	Phường An Hải	Trường TH Chi Lăng	29	26	3	0	Ca 1
2	Phường An Hải	Trường TH Lương Thế Vinh	36	28	1	1	Ca 1
3	Phường An Hải	Trường TH Ngô Gia Tự	51	0	47	4	Ca 1,2
4	Phường An Khê	Trường TH An Khê	27	24	1	1	Ca 1
5	Phường An Khê	Trường TH Bé Văn Đàn	48	5	3	0	Ca 1
6	Phường An Khê	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	51	20	1	0	Ca 1
7	Phường An Khê	Trường TH Nguyễn Như Hạnh	46	19	29	0	Ca 1,2
8	Phường An Khê	Trường Th Tôn Đức Thắng	60	8	4	0	Ca 1
9	Phường An Khê	Trường TH Thái Thị Bôi	59	14	27	2	Ca 1,2
10	Phường An Thắng	Trường TH PHAN THÀNH TÀI	24	4	0	0	Ca 1
11	Phường An Thắng	Trường TH Lê Tự Nhất Thống	32	8	0	0	Ca 1
12	Phường An Thắng	Trường TH Nguyễn Trãi	28	12	2	0	Ca 1
13	Phường Bàn Thạch	Trường TH Nguyễn Hiền	27	4	2	2	Ca 1
14	Phường Bàn Thạch	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	42	42	0	0	Ca 1,2
15	Phường Bàn Thạch	Trường TH Phan Thanh	37	20	7	0	Ca 1
16	Phường Bàn Thạch	Trường TH Võ Thị Sáu	41	30	6	0	Ca 1,2
17	Phường Điện Bàn	Trường TH Kim Đồng	51	9	3	0	Ca 1

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
18	Phường Điện Bàn	Trường TH Lý Thường Kiệt	14	3	1	0	Ca 1
19	Phường Điện Bàn	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	28	0	0	0	Ca 1
20	Phường Điện Bàn	Trường TH Phạm Phú Thứ	20	0	0	0	Ca 1
21	Phường Điện Bàn	Trường TH Trần Quốc Toản	30	4	0	0	Ca 1
22	Phường Điện Bàn Bắc	Trường TH Nguyễn Huệ	32	8	10	0	Ca 1
23	Phường Điện Bàn Bắc	Trường TH Hoàng Văn Thụ	31	21	2	0	Ca 1
24	Phường Điện Bàn Bắc	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	24	6	8	0	Ca 1
25	Phường Điện Bàn Bắc	Trường TH Thái Phiên	29	20	3	0	Ca 1
26	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Hồ Văn Biền	31	10	4	2	Ca 1
27	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Hồ Xuân Hương	28	7	6	0	Ca 1
28	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Lê Hồng Phong	63	33	1	0	Ca 1,2
29	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Nguyễn Phan Vinh	44	0	3	0	Ca 1
30	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Phạm Như Xương	39	17	10	1	Ca 1
31	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Phan Ngọc Nhân	45	20	11	0	Ca 1,2
32	Phường Điện Bàn Đông	Trường TH Văn Thanh Tùng	41	12	2	0	Ca 1
33	Phường Hải Châu	Trường TH Trần Thị Lý	27	6	3	1	Ca 1
34	Phường Hải Châu	Trường TH Bạch Đằng	23	5	2	0	Ca 1
35	Phường Hải Châu	Trường TH Hoàng Văn Thụ	36	10	5	1	Ca 1
36	Phường Hải Châu	Trường TH Hùng Vương	24	19	0	0	Ca 1
37	Phường Hải Châu	Trường TH Lê Lai	26	14	10	0	Ca 1
38	Phường Hải Châu	Trường TH Ông Ích Khiêm	29	17	0	0	Ca 1
39	Phường Hải Châu	Trường TH Phan Thanh	29	4	0	0	Ca 1
40	Phường Hải Châu	Trường TH Phù Đổng	73	19	3	2	Ca 1
41	Phường Hải Châu	Trường TH Tây Hồ	33	11	1	0	Ca 1
42	Phường Hải Châu	Trường TH TRẦN VĂN ƠN	51	11	0	0	Ca 1

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
43	Phường Hải Châu	Trường TH Võ Thị Sáu	42	8	6	0	Ca 1
44	Phường Hải Vân	Trường TH Hải Vân	29	3	0	0	Ca 1
45	Phường Hải Vân	Trường TH Hoà Bắc	25	0	0	0	Ca 1
46	Phường Hải Vân	Trường TH Trần Bình Trọng	39	20	10	2	Ca 1,2
47	Phường Hải Vân	Trường TH Triệu Thị Trinh	38	0	4	0	Ca 1
48	Phường Hải Vân	Trường TH Trưng Nữ Vương	48	33	4	2	Ca 1,2
49	Phường Hòa Cường	Trường TH Lý Công Uẩn	68	31	0	1	Ca 1,2
50	Phường Hòa Cường	Trường TH Lê Đình Chinh	55	0	0	0	Ca 1
51	Phường Hòa Cường	Trường TH Núi Thành	55	23	18	0	Ca 1,2
52	Phường Hòa Cường	Trường TH Nguyễn Du	54	8	4	0	Ca 1
53	Phường Hòa Cường	Trường TH Phan Đăng Lưu	52	16	15	1	Ca 1,2
54	Phường Hòa Khánh	Trường TH Bùi Thị Xuân	62	57	4	0	Ca 1,2
55	Phường Hòa Khánh	Trường TH Duy Tân	60	6	0	0	Ca 1
56	Phường Hòa Khánh	Trường TH Hồng Quang	67	26	19	1	Ca 1,2
57	Phường Hòa Khánh	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	74	6	1	0	Ca 1
58	Phường Hòa Khánh	Trường TH Phan Phu Tiên	68	3	3	0	Ca 1
59	Phường Hòa Khánh	Trường TH số 2 Hòa Sơn	50	0	0	0	Ca 1
60	Phường Hòa Khánh	Trường TH Võ Thị Sáu	59	14	0	0	Ca 1
61	Phường Hòa Khánh	Trường TH số 2 Hoà Sơn	58	30	13	0	Ca 1,2
62	Phường Hội An	Trường TH Cẩm Phô	27	14	9	2	Ca 2
63	Phường Hội An	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	28	4	6	0	Ca 2
64	Phường Hội An	Trường TH Phù Đổng	22	21	0	0	Ca 2
65	Phường Hội An	Trường TH Sơn Phong	29	26	1	0	Ca 2
66	Phường Hội An	Trường TH-THCS Trần Quốc Toản	16	0	0	0	Ca 2
67	Phường Hội An Đông	Trường TH CẨM THANH	27	2	0	0	Ca 2

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
68	Phường Hội An Đông	Trường TH Đỗ Trọng Hường	20	3	17	0	Ca 2
69	Phường Hội An Đông	Trường TH Lý Tự Trọng	39	25	2	1	Ca 2
70	Phường Hội An Tây	Trường TH Lê Độ	23	9	0	0	Ca 2
71	Phường Hội An Tây	Trường TH Bùi Chát	35	28	3	1	Ca 1,2
72	Phường Hội An Tây	Trường TH Cẩm An	27	17	3	0	Ca 2
73	Phường Hương Trà	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	38	0	2	0	Ca 2
74	Phường Hương Trà	Trường TH Lê Văn Tám	39	0	0	0	Ca 2
75	Phường Hương Trà	Trường TH Trần Quý Cáp	29	0	0	0	Ca 2
76	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Lê Bá Trinh	27	19	7	1	Ca 2
77	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Lê Văn Hiến	42	8	0	0	Ca 2
78	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Mai Đăng Chơn	46	19	10	0	Ca 2
79	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Nguyễn Duy Trinh	40	2	2	0	Ca 2
80	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Phạm Hồng Thái	56	0	0	0	Ca 2
81	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH Trần Quang Diệu	55	12	9	2	Ca 2
82	Phường Quảng Phú	Trường TH Ngô Gia Tự	23	13	7	0	Ca 2
83	Phường Quảng Phú	Trường TH Ngô Quyền	38	32	5	0	Ca 1,2
84	Phường Quảng Phú	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	33	5	2	1	Ca 2
85	Phường Sơn Trà	Trường TH Hai Bà Trưng	62	27	34	0	Ca 1,2
86	Phường Sơn Trà	Trường TH Nguyễn Phan Vinh	33	17	1	0	Ca 2
87	Phường Sơn Trà	Trường TH Nguyễn Tri Phương	52	2	15	2	Ca 2
88	Phường Sơn Trà	Trường TH Quang Trung	48	32	6	2	Ca 1,2
89	Phường Sơn Trà	Trường TH Tô Vĩnh Diện	39	2	0	1	Ca 2
90	Phường Sơn Trà	Trường TH Trần Quốc Toản	43	23	17	2	Ca 1,2
91	Phường Tam Kỳ	Trường TH Hùng Vương	32	0	0	0	Ca 2
92	Phường Tam Kỳ	Trường TH Kim Đồng	35	4	0	0	Ca 2

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
93	Phường Tam Kỳ	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	27	20	0	0	Ca 2
94	Phường Tam Kỳ	Trường TH Trần Quốc Toàn	41	4	0	0	Ca 2
95	Phường Thanh Khê	Trường TH Lê Văn Tám	42	20	9	1	Ca 2
96	Phường Thanh Khê	Trường TH Dũng Sĩ Thanh Khê	41	3	15	1	Ca 2
97	Phường Thanh Khê	Trường TH Điện Biên Phủ	40	8	4	1	Ca 2
98	Phường Thanh Khê	Trường TH Đinh Bộ Lĩnh	36	8	4	1	Ca 2
99	Phường Thanh Khê	Trường TH Đoàn Thị Điểm	51	21	9	2	Ca 1,2
100	Phường Thanh Khê	Trường TH Hà Huy Tập	38	26	4	0	Ca 2
101	Phường Thanh Khê	Trường TH Hàm Nghi	20	8	1	0	Ca 2
102	Phường Thanh Khê	Trường TH Hoa Lư	51	8	6	1	Ca 2
103	Phường Thanh Khê	Trường TH Huỳnh Ngọc Huệ	51	12	13	1	Ca 2
104	Phường Thanh Khê	Trường TH Lê Quang Sung	44	15	3	0	Ca 2
105	Phường Thanh Khê	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	24	14	6	4	Ca 2
106	Phường Thanh Khê	Trường TH Nguyễn Đức Cảnh	47	0	0	0	Ca 2
107	Phường Thanh Khê	Trường TH Nguyễn Trung Trực	25	2	1	1	Ca 2
108	Phường Thanh Khê	Trường TH Trần Cao Vân	68	59	8	1	Ca 2,3
109	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng	34	18	9	0	Ca 2
110	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Chuyên biệt Trương Lai	22	7	2	0	Ca 2
111	Xã Bà Nà	Trường TH Hoà Ninh	26	1	0	0	Ca 2
112	Xã Bến Giằng	Trường PTDTBT TH Kim Đồng	24	0	0	0	Ca 2
113	Xã Bến Giằng	Trường TH Bến Giằng	17	0	0	0	Ca 2
114	Xã Chiên Đàn	Trường TH Võ Thị Sáu	45	5	0	0	Ca 2
115	Xã Chiên Đàn	Trường Th Kim Đồng	29	1	1	0	Ca 2
116	Xã Chiên Đàn	Trường TH Lê Văn Tám	11	5	0	0	Ca 2

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
117	Xã Chiên Đàn	Trường TH Nguyễn Duy Hiệu	25	2	0	0	Ca 2
118	Xã Duy Nghĩa	Trường TH Số 1 Duy Nghĩa	30	13	1	0	Ca 2
119	Xã Duy Nghĩa	Trường TH Số 4 Duy Nghĩa	33	13	0	0	Ca 2
120	Xã Duy Xuyên	Trường TH Duy Sơn	50	50	0	0	Ca 2,3
121	Xã Duy Xuyên	Trường TH Duy Trinh	36	0	1	0	Ca 2
122	Xã Duy Xuyên	Trường TH Duy Trung	36	4	1	0	Ca 2
123	Xã Đại Lộc	Trường TH Đoàn Nghiên	18	0	0	0	Ca 3
124	Xã Đại Lộc	Trường TH Hứa Tạo	33	6	4	0	Ca 3
125	Xã Đại Lộc	Trường TH Lê Thị Xuyên	24	15	0	0	Ca 3
126	Xã Đại Lộc	Trường TH Nguyễn Công Sáu	32	0	0	0	Ca 3
127	Xã Đại Lộc	Trường TH Nguyễn Đức Thiệu	36	0	0	0	Ca 3
128	Xã Đại Lộc	Trường TH Nguyễn Ngọc Bình	40	0	9	0	Ca 3
129	Xã Điện Bàn Tây	Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	21	9	10	2	Ca 3
130	Xã Điện Bàn Tây	Trường TH JunKo	34	2	0	0	Ca 3
131	Xã Điện Bàn Tây	Trường TH Ngô Quyền	29	28	0	0	Ca 3
132	Xã Điện Bàn Tây	Trường TH Nguyễn Thành Ý	18	3	1	0	Ca 3
133	Xã Điện Bàn Tây	Trường TH Phan Bội Châu	21	20	0	1	Ca 3
134	Xã Đông Dương	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	13	3	0	0	Ca 3
135	Xã Đông Dương	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	20	0	1	0	Ca 3
136	Xã Đông Dương	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	22	0	1	0	Ca 3
137	Xã Đông Dương	Trường TH&THCS Nguyễn Duy Hiệu	14	0	0	0	Ca 3
138	Xã Đông Giang	Trường TH Arooi	12	0	0	0	Ca 3
139	Xã Đông Giang	Trường TH Tà Lu	7	4	0	0	Ca 3
140	Xã Đông Giang	Trường TH&THCS Zà Hung	14	0	0	0	Ca 3
141	Xã Đức Phú	Trường TH Hoàng Văn Thụ	22	10	0	0	Ca 3

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Xã/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
142	Xã Đức Phú	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	25	0	0	2	Ca 3
143	Xã Gò Nổi	Trường TH Phan Thanh	30	2	0	0	Ca 3
145	Xã Hà Nha	Trường TH Đại Đồng	38	10	0	0	Ca 3
146	Xã Hà Nha	Trường TH Đại Quang	38	2	5	0	Ca 3
147	Xã Hiệp Đức	Trường TH Lê Văn Tám	38	1	0	0	Ca 3
148	Xã Hiệp Đức	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong	14	0	0	0	Ca 3
149	Xã Hiệp Đức	Trường TH&THCS Lý Thường Kiệt	12	6	0	0	Ca 3
150	Xã Hòa Tiến	Trường TH Hoà tiến	30	10	5	0	Ca 3
151	Xã Hòa Tiến	Trường TH Hoà Khương	28	4	9	0	Ca 3
152	Xã Hòa Tiến	Trường TH số 1 Hoà Tiến	46	25	0	0	Ca 3
153	Xã Hòa Tiến	Trường TH Số 2 Hoà Tiến	50	6	5	0	Ca 3
154	Xã Hòa Vang	Trường TH An Phước	37	8	10	1	Ca 3
155	Xã Hòa Vang	Trường TH Hoà Phú	30	12	0	0	Ca 3
156	Xã Hòa Vang	Trường TH Lâm Quang Thự	43	42	0	0	Ca 2,3
157	Xã Hòa Vang	Trường TH An Phước	43	10	2	1	Ca 3
158	Xã Hùng Sơn	Trường PTDTBT TH Gari	20	8	2	0	Ca 3
159	Xã Hùng Sơn	Trường PTDTBTTH Axan	22	1	0	1	Ca 3
160	Xã Khâm Đức	Trường TH Lê Văn Tám	46	0	0	0	Ca 3
161	Xã Khâm Đức	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu	15	3	0	0	Ca 3
162	Xã La Êê	Trường PTDTBT TH La Êê	16	11	0	0	Ca 3
163	Xã Lãnh Ngọc	Trường TH Tiên Hiệp	22	0	1	0	Ca 3
164	Xã Lãnh Ngọc	Trường TH Tiên Lãnh	36	10	0	0	Ca 3
165	Xã Lãnh Ngọc	Trường TH&THCS Trần Quốc Toản	20	4	2	2	Ca 3
166	Xã Nông Sơn	Trường TH Hoàng Diệu	41	8	0	0	Ca 3
167	Xã Nông Sơn	Trường TH Phạm Phú Thứ	20	10	0	0	Ca 3

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
168	Xã Phú Ninh	Trường TH Lê Hoàn	39	10	0	0	Ca 3
169	Xã Phú Ninh	Trường TH Thái Phiên	18	1	1	0	Ca 3
170	Xã Phú Ninh	Trường TH Trần Quốc Toản	19	0	0	0	Ca 3
171	Xã Phú Thuận	Trường TH Đoàn Quý Phi	19	19	0	0	Ca 3
172	Xã Phú Thuận	Trường TH và trung học cơ sở Đại Tân	17	4	1	0	Ca 3
173	Xã Phước Hiệp	Trường TH&THCS Phước Hiệp	18	0	0	0	Ca 3
174	Xã Phước Trà	Trường TH Kpa-Kolong	14	2	0	1	Ca 3
175	Xã Phước Trà	Trường TH Lê Lợi	22	5	2	0	Ca 3
176	Xã Phước Trà	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	20	0	0	0	Ca 3
177	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Trần Quý Cáp	21	0	0	0	Ca 3
178	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	16	0	0	0	Ca 3
179	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Võ Chí Công	2	0	0	2	Ca 3
180	Xã Quế Sơn Trung	Trường TH Quế Châu	30	3	3	0	Ca 3
181	Xã Quế Sơn Trung	Trường TH Quế Hiệp	16	0	0	0	Ca 3
182	Xã Quế Sơn Trung	Trường TH Quế Mỹ	44	0	0	0	Ca 3
183	Xã Quế Sơn Trung	Trường TH Quế Thuận	21	2	0	0	Ca 3
184	Xã Sông Kôn	Trường TH Jơ Ngây	24	12	7	4	Ca 3
185	Xã Sông Vàng	Trường TH Trần Quốc Toản	27	0	0	3	Ca 3
186	Xã Sông Vàng	Trường TH & THCS Lê Lợi	26	0	0	0	Ca 3
187	Xã Sông Vàng	Trường TH và Trung học cơ sở Lê Lợi	24	7	2	0	Ca 3
188	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường TH Nguyễn Có	22	6	0	0	Ca 3
189	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường TH&THCS Nguyễn Du	14	0	0	0	Ca 3
190	Xã Tam Anh	Trường TH Nguyễn Hiền	47	1	0	0	Ca 3
191	Xã Tam Anh	Trường TH Trần Văn Ôn	28	0	0	0	Ca 3
192	Xã Tam Hải	Trường TH Trần Phú	26	6	1	0	Ca 3

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
193	Xã Tam Mỹ	Trường TH Đinh Bộ Lĩnh	30	0	0	0	Ca 3
194	Xã Tam Mỹ	Trường TH Hoàng Hoa Thám	22	0	0	0	Ca 3
195	Xã Tam Mỹ	Trường TH Nguyễn Du	22	0	0	0	Ca 3
196	Xã Tam Xuân	Trường TH Lý Tự Trọng	30	0	0	0	Ca 3
197	Xã Tam Xuân	Trường TH Ngô Mây	18	0	0	0	Ca 3
198	Xã Tam Xuân	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	26	10	0	0	Ca 3
199	Xã Tam Xuân	Trường TH Lê Văn Tám	28	5	2	0	Ca 3
200	Xã Tam Xuân	Trường TH Đỗ Thế Cháp	20	0	0	0	Ca 3
201	Xã Tam Xuân	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	30	30	0	0	Ca 3
202	Xã Tân Hiệp	Trường TH Phan Đình Phùng	36	6	0	0	Ca 3
203	Xã Tây Giang	Trường TH Atiêng	30	1	1	0	Ca 3
204	Xã Tây Giang	Trường TH Lăng	23	1	0	0	Ca 3
205	Xã Tây Giang	Trường TH Anông	12	11	0	0	Ca 3
206	Xã Tây Giang	Trường TH Lăng	23	6	4	1	Ca 3
207	Xã Tây Hồ	Trường TH Phan Đình Phùng	32	5	2	0	Ca 3
208	Xã Tây Hồ	Trường TH Lê Lợi	25	3	1	0	Ca 3
209	Xã Tây Hồ	Trường TH Nguyễn Trãi	22	3	0	0	Ca 3
210	Xã Tây Hồ	Trường TH Nguyễn Trãi	32	32	0	0	Ca 2,3
211	Xã Tây Hồ	Trường TH xã Tây Hồ	37	14	3	1	Ca 3
212	Xã Tiên Phước	Trường TH Trần Huỳnh	24	4	0	0	Ca 3
213	Xã Tiên Phước	Trường TH Kim Đồng	20	5	0	0	Ca 3
214	Xã Tiên Phước	Trường TH Lê Duy Đình	19	0	0	0	Ca 3
215	Xã Tiên Phước	Trường TH Tiên Phước	18	0	0	0	Ca 3
216	Xã Thạnh Bình	Trường TH Minh Viên	33	12	10	0	Ca 3
217	Xã Thạnh Bình	Trường TH Tiên An	23	2	0	0	Ca 3

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
218	Xã Thạnh Bình	Trường TH Tiên Lộc	13	0	0	0	Ca 3
219	Xã Thăng Điền	Trường TH Lê Lai	18	0	0	0	Ca 3
220	Xã Thăng Điền	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	20	10	0	0	Ca 3
221	Xã Thăng Điền	Trường TH Phù Đổng	43	10	0	0	Ca 3
222	Xã Thăng Điền	Trường TH Võ Thị Sáu	24	0	0	0	Ca 3
223	Xã Thăng Phú	Trường TH Lý Tự Trọng	19	0	0	0	Ca 3
224	Xã Thăng Phú	Trường TH Trần Hưng Đạo	17	0	0	0	Ca 3
225	Xã Thăng Trường	Trường TH Hoàng Văn Thụ	43	0	0	0	Ca 3
226	Xã Thăng Trường	Trường TH Thái Phiên	27	24	0	0	Ca 3
227	Xã Thăng Trường	Trường TH Trần Phú	25	0	0	0	Ca 3
228	Xã Thu Bồn	Trường TH Duy Tân	40	19	8	0	Ca 3
229	Xã Thu Bồn	Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh	32	0	0	0	Ca 3
230	Xã Thu Bồn	Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh	22	0	0	0	Ca 3
231	Xã Thượng Đức	Trường TH Đại Lãnh	26	11	5	0	Ca 3
232	Xã Thượng Đức	Trường TH Trương Đình Nam	21	2	0	0	Ca 3
233	Xã Trà Đốc	Trường PTDTBT TH Nông Văn Dền	26	0	0	0	Ca 3
234	Xã Trà Đốc	Trường PTDTBT TH Nguyễn Thị Minh Khai	23	0	0	0	Ca 3
235	Xã Trà Giáp	Trường PTDTBT TH Trà Giáp	34	0	0	0	Ca 3
236	Xã Trà Giáp	Trường PTDTBT TH&THCS Võ Thị Sáu	17	1	0	0	Ca 3
237	Xã Trà Leng	Trường PTDTBT trà leng 1	31	0	31	0	Ca 3
238	Xã Trà Liên	Trường PTDTBT TH- THCS trà Nú	30	8	3	2	Ca 3
239	Xã Trà Liên	Trường PTDTBT TH&THCS Trần Phú	11	0	0	0	Ca 3
240	Xã Trà Liên	Trường TH Lê Quý Đôn	15	0	0	0	Ca 3

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Xã/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
241	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH - THCS Long Túc	15	0	0	0	Ca 3
242	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH Ngọc Linh	24	6	0	0	Ca 3
243	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc	17	9	0	0	Ca 3
244	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Nam	13	0	0	0	Ca 3
245	Xã Trà Tân	Trường PTDTBT TH Trần Cao Vân	24	8	2	1	Ca 3
246	Xã Trà Tân	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	19	2	0	0	Ca 3
247	Xã Trà Tập	Trường PTDTBT TH Lê Lợi	38	0	0	0	Ca 3
248	Xã Trà Vân	Trường PTDTBT TH Trà Vân	20	1	1	1	Ca 3
249	Xã Việt An	Trường TH Kim Đồng	29	7	2	0	Ca 3
250	Xã Vu Gia	Trường TH Trần Đình Tri	29	0	0	0	Ca 3
251	Xã Xuân Phú	Trường TH Hương An	35	0	0	0	Ca 3
252	Xã Xuân Phú	Trường TH Quế Phú	28	3	3	0	Ca 3
253	Xã Xuân Phú	Trường TH Quế Xuân 1	31	2	1	0	Ca 3
254	Xã Xuân Phú	Trường TH Quế Xuân 2	22	0	0	0	Ca 3
III TRUNG HỌC CƠ SỞ							
1	Phường An Hải	Trường THCS Lê Độ	92	31	22	0	Ca 4,5
2	Phường An Hải	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	59	34	2	0	Ca 4,5
3	Phường An Hải	Trường THCS Phan Bội Châu	42	26	11	1	Ca 4,5
4	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	80	30	10	0	Ca 4,5
5	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn thị định	56	10	5	1	Ca 4
6	Phường An Thắng	Trường THCS Thu Bồn	24	7	5	0	Ca 4
7	Phường An Thắng	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	20	8	0	0	Ca 4
8	Phường Bàn Thạch	Trường THCS Lê Lợi	22	13	6	1	Ca 4
9	Phường Bàn Thạch	Trường THCS Nguyễn Du	80	12	10	5	Ca 4

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
10	Phường Điện Bàn	Trường THCS QUANG TRUNG	37	12	9	1	Ca 4
11	Phường Điện Bàn	Trường THCS Lý Tự Trọng	35	17	2	0	Ca 4
12	Phường Điện Bàn	Trường THCS Nguyễn Du	28	1	0	1	Ca 4
13	Phường Điện Bàn Bắc	Trường THCS Lê Trí Viễn	20	9	10	0	Ca 4
14	Phường Điện Bàn Bắc	Trường THCS Lê Văn Tám	22	0	0	0	Ca 4
15	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS dũng sĩ điện ngọc	67	50	6	1	Ca 4,5
16	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS Đinh Châu	25	8	9	1	Ca 4
17	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS Lê Ngọc Giá	53	17	8	0	Ca 4
18	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS Nguyễn Đức An	37	0	0	0	Ca 4
19	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS Võ Như Hưng	30	0	0	0	Ca 4
20	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	30	6	4	1	Ca 4
21	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	84	32	32	1	Ca 4,5,6
22	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	68	28	38	0	Ca 4,5
23	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	40	13	5	3	Ca 4
24	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	91	25	39	1	Ca 4,5,6
25	Phường Hải Vân	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	22	0	0	0	Ca 4
26	Phường Hải Vân	Trường THCS Đàm Quang Trung	54	35	13	0	Ca 4,5
27	Phường Hải Vân	Trường THCS Lê Anh Xuân	42	26	1	0	Ca 4
28	Phường Hải Vân	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	40	10	12	6	Ca 4
29	Phường Hải Vân	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	22	0	0	0	Ca 4
30	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	46	20	5	1	Ca 4
31	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt					Ca 4
32	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	112	44	39	5	Ca 4,5,6
33	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	35	10	10	0	Ca 4
34	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Lương Thế Vinh	70	48	10	2	Ca 4,5

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
35	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	92	0	13	1	Ca 4
36	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Trần Quang Khải	75	20	20	0	Ca 4,5
37	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Lương Thế Vinh	85	10	2	0	Ca 4
38	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Ngô Thị Nhậm	86	13	17	0	Ca 4
39	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Trần Quang Khải	74	5	42	0	Ca 4,5
40	Phường Hòa Xuân	Phòng VHXH Phường Hòa Xuân ¹	620	192	250	20	Ca 4,5,6
41	Phường Hội An	Trường TH & THCS Lý Thường Kiệt	36	20	15	0	Ca 4,5
42	Phường Hội An	Trường TH&THCS Trần Quốc Toản	46	0	0	0	Ca 5
43	Phường Hội An	Trường THCS Kim Đồng	62	15	45	0	Ca 4,5
44	Phường Hội An Đông	Trường THCS Huỳnh Thị Lựu	30	2	0	0	Ca 5
45	Phường Hội An Đông	Trường THCS Nguyễn Du	34	10	4	0	Ca 5
46	Phường Hội An Tây	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	50	37	0	0	Ca 4,5
47	Phường Hội An Tây	Trường THCS Phan Bội Châu	34	14	0	0	Ca 5
48	Phường Hương Trà	Trường THCS Chu Văn An	41	1	3	1	Ca 5
49	Phường Hương Trà	Trường THCS Nguyễn Huệ	38	2	0	0	Ca 5
50	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	65	10	0	0	Ca 5
51	Phường Quảng Phú	Trường THCS Lý Thường Kiệt	24	0	0	0	Ca 5
52	Phường Quảng Phú	Trường THCS Nguyễn Khuyến	32	0	0	0	Ca 5
53	Phường Quảng Phú	Trường THCS Thái Phiên	19	4	0	0	Ca 5
54	Phường Sơn Trà	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	63	16	47	0	Ca 4,5,6
55	Phường Sơn Trà	Trường THCS Hoàng Sa	43	10	6	1	Ca 5
56	Phường Sơn Trà	Trường THCS Lý Tự Trọng	75	44	24	1	Ca 4,5,6

¹ Đề nghị Phòng Văn hóa – Xã Hội Phường Hòa Xuân chuyển thông tin đăng ký tham gia khảo sát về các trường THCS công lập trực thuộc phường để giáo viên đăng ký tham gia theo số lượng đã báo cáo.

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
57	Phường Sơn Trà	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	50	16	11	1	Ca 5
58	Phường Tam Kỳ	Trường THCS Lý Tự Trọng	59	0	0	0	Ca 5
59	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	43	15	8	5	Ca 5
60	Phường Thanh Khê	Trường THCS Phan Đình Phùng	57	16	3	1	Ca 5
61	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	50	4	16	0	Ca 5
62	Phường Thanh Khê	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển	53	43	7	0	Ca 5,6
63	Phường Thanh Khê	Trường THCS Hoàng Diệu	38	10	4	0	Ca 5
64	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	88	66	16	1	Ca 4,5,6
65	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	43	0	3	0	Ca 5
66	Phường Thanh Khê	Trường THCS NGUYỄN CHƠN	54	8	9	3	Ca 5
67	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	32	3	0	0	Ca 5
68	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	11	2	0	0	Ca 5
69	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Chuyên biệt Tương Lai	7	3	4	0	Ca 5
70	Xã Bà Nà	Trường THCS Nguyễn Việt Xuân	22	7	7	3	Ca 6
71	Xã Chiên Đàn	Trường THCS Phan Tây Hồ	31	0	0	1	Ca 6
72	Xã Chiên Đàn	Trường THCS Trần Phú	30	2	0	0	Ca 6
73	Xã Chiên Đàn	Trường THCS Nguyễn Hiền	31	4	0	0	Ca 6
74	Xã Duy Nghĩa	Trường THCS Quang Trung	20	0	0	0	Ca 6
75	Xã Duy Xuyên	Trường THCS Lương Thế Vinh	23	8	1	0	Ca 6
76	Xã Duy Xuyên	Trường THCS Nguyễn Thành Hãn	21	3	0	0	Ca 6
77	Xã Duy Xuyên	Trường THCS Phù Đổng	21	1	0	0	Ca 6
78	Xã Đại Lộc	Trường THCS Mỹ Hoà	50	8	6	0	Ca 6
79	Xã Đại Lộc	Trường THCS Nguyễn Trãi	57	0	6	0	Ca 6
80	Xã Đại Lộc	Trường THCS Trần Hưng Đạo	37	7	0	0	Ca 6
81	Xã Đại Lộc	Trường THCS Trần Phú	38	8	2	0	Ca 6

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Xã/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
82	Xã Điện Bàn Tây	Trường THCS Ông Ích Khiêm	34	10	19	0	Ca 6
83	Xã Điện Bàn Tây	Trường THCS Phan Thúc Duyện	35	10	4	4	Ca 6
84	Xã Điện Bàn Tây	Trường THCS Trần Quý Cáp	37	10	0	0	Ca 6
85	Xã Đông Dương	Trường TH&THCS Nguyễn Duy Hiệu	16	16	0	0	Ca 6
86	Xã Đông Dương	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	16	0	0	0	Ca 6
87	Xã Đông Dương	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	21	3	0	0	Ca 6
88	Xã Đông Giang	Trường PTDTNT THCS Đông Giang	14	0	0	0	Ca 6
89	Xã Đông Giang	Trường TH&THCS Zà Hung	12	0	0	0	Ca 6
90	Xã Đức Phú	Trường THCS Hoàng Diệu	20	7	2	4	Ca 6
91	Xã Đức Phú	Trường THCS Quang Trung	16	0	0	0	Ca 6
92	Xã Hà Nha	Trường THCS Kim Đông	34	3	2	0	Ca 6
93	Xã Hà Nha	Trường THCS Nguyễn Du	34	3	0	7	Ca 6
94	Xã Hà Nha	Trường THCS Phù Đổng	32	10	4	0	Ca 6
95	Xã Hiệp Đức	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong	30	13	2	0	Ca 6
96	Xã Hiệp Đức	Trường TH&THCS Lý Thường Kiệt	9	4	0	0	Ca 6
97	Xã Hiệp Đức	Trường THCS Phan Bội Châu	34	25	0	0	Ca 6
98	Xã Hòa Tiến	Trường THCS Đỗ Thúc Tịnh	48	31	11	4	Ca 5,6
99	Xã Hòa Tiến	Trường THCS Nguyễn Phú Hường	74	39	28	1	Ca 4,5,6
100	Xã Hòa Vang	Trường THCS Ông Ích Đường	23	7	3	2	Ca 6
101	Xã Hòa Vang	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	59	34	9	0	Ca 5,6
102	Xã Khâm Đức	Trường THCS Lý Tự Trọng	32	4	0	0	Ca 6
103	Xã La Êê	Trường PTDTBT THCS La Êê	10	0	0	0	Ca 6
104	Xã Lãnh Ngọc	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	29	9	0	0	Ca 6
105	Xã Lãnh Ngọc	Trường THCS Quang Trung	17	0	0	0	Ca 6
106	Xã Nông Sơn	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	22	0	0	0	Ca 6

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Xã/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
107	Xã Núi Thành	Trường THCS Kim Đồng	60	30	0	0	Ca 6
108	Xã Núi Thành	Trường THCS Lê văn tâm	23	3	0	0	Ca 6
109	Xã Phú Ninh	Trường THCS Chu Văn An	22	1	0	0	Ca 6
110	Xã Phú Thuận	Trường THCS Lý Tự Trọng	23	18	0	0	Ca 6
111	Xã Phú Thuận	Trường TH-THCS Đại Chánh	42	0	0	0	Ca 6
112	Xã Phú Thuận	Trường THCS Đại Tân	14	7	4	0	Ca 6
113	Xã Phước Chánh	Trường PTDTBT THCS Phước Chánh	23	0	0	0	Ca 6
114	Xã Phước Hiệp	Trường TH&THCS Phước Hiệp	15	0	1	0	Ca 6
115	Xã Phước Trà	Trường PTDTNT THCS Hiệp Đức	33	10	10	0	Ca 6
116	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng	26	15	0	0	Ca 6
117	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	18	0	0	0	Ca 6
118	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Trần Quý Cáp	14	0	0	0	Ca 6
119	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Võ Chí Công	10	1	0	0	Ca 6
120	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Châu	19	0	0	0	Ca 6
121	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Hiệp	14	7	0	0	Ca 6
122	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Mỹ 1	18	3	5	0	Ca 6
123	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Mỹ 2	25	0	3	0	Ca 6
124	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Thuận	16	0	0	0	Ca 6
125	Xã Sông Vàng	Trường TH & THCS Lê Lợi	7	0	0	0	Ca 6
126	Xã Sông Vàng	Trường THCS Kim Đồng	22	0	0	0	Ca 6
127	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường THCS Lê Cơ	14	0	0	0	Ca 6
128	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường THCS Nguyễn Trãi	24	8	5	3	Ca 6
129	Xã Tam Anh	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	28	3	0	0	Ca 6
130	Xã Tam Anh	Trường THCS Lương Thế Vinh	20	9	3	0	Ca 6
131	Xã Tam Anh	Trường THCS Nguyễn Khuyến	41	2	0	0	Ca 6

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
132	Xã Tam Hải	Trường THCS Trần Quý Cáp	18	0	0	0	Ca 6
133	Xã Tam Mỹ	Trường THCS Lê Văn Tâm	22	0	1	0	Ca 6
134	Xã Tam Mỹ	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	14	11	0	0	Ca 6
135	Xã Tam Mỹ	Trường THCS Nguyễn Trãi	23	2	0	0	Ca 6
136	Xã Tam Xuân	Trường THCS Chu Văn An	32	10	2	0	Ca 6
137	Xã Tam Xuân	Trường THCS Lý Thường Kiệt	41	35	1	0	Ca 5,6
138	Xã Tam Xuân	Trường THCS Phan Bá Phiến	32	5	0	0	Ca 6
139	Xã Tây Giang	Trường PTDTNT THCS Tây Giang	24	10	0	0	Ca 6
140	Xã Tây Giang	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Trỗi	25	10	0	0	Ca 6
141	Xã Tây Hồ	Trường THCS Lương Thế Vinh	22	0	0	0	Ca 6
142	Xã Tây Hồ	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	27	10	0	0	Ca 6
143	Xã Tây Hồ	Trường THCS Phan Châu Trinh	26	0	1	0	Ca 6
144	Xã Tây Hồ	Trường THCS Tam Lộc	22	1	0	0	Ca 6
145	Xã Tiên Phước	Trường THCS Lý Tự Trọng	36	0	0	0	Ca 6
146	Xã Tiên Phước	Trường THCS Trần Ngọc Sương	23	15	0	0	Ca 6
147	Xã Tiên Phước	Trường THCS Võ Thị Sáu	23	10	0	0	Ca 6
148	Xã Thạnh Bình	Trường THCS Lê Quý Đôn	15	2			Ca 6
149	Xã Thạnh Bình	Trường THCS LÊ THỊ HỒNG GÁM	23	3	0	0	Ca 6
150	Xã Thăng Điền	Trường THCS Lý Thường Kiệt	24	0	0	4	Ca 6
151	Xã Thăng Điền	Trường THCS Phan Bội Châu	32	1	0	0	Ca 6
152	Xã Thăng Điền	Trường THCS Phan Châu Trinh	34	3	1	0	Ca 6
153	Xã Thăng Phú	Trường THCS Lê Lợi	14	10	4	0	Ca 6
154	Xã Thăng Phú	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	15	11	2	0	Ca 6
155	Xã Thăng Trường	Trường THCS Chu Văn An	14	0	0	0	Ca 6

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Xã/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
156	Xã Thăng Trường	Trường THCS Hoàng Diệu	19	5	0	0	Ca 6
157	Xã Thăng Trường	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	33	0	0	0	Ca 6
158	Xã Thượng Đức	Trường TH&THCS Đại Sơn	32	0	0	0	Ca 6
159	Xã Thượng Đức	Trường THCS Nguyễn Huệ	26	9	0	1	Ca 6
160	Xã Thượng Đức	Trường THCS Quang Trung	19	0	0	0	Ca 6
161	Xã Trà Đốc	Trường PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	19	19	0	0	Ca 6
162	Xã Trà Đốc	Trường ptdtbt thcs nguyễn bình khiêm	41	0	0	0	Ca 6
163	Xã Trà Giáp	Trường PTDTBT TH&THCS Võ Thị Sáu	12	0	0	0	Ca 6
164	Xã Trà Leng	Trường PTDTBT THCS Trà Leng 2	21	0	0	0	Ca 6
165	Xã Trà Leng	Trường PTDTBT THCS Trà Leng 1	27	4	3	3	Ca 6
166	Xã Trà Liên	Trường PTDTBT TH&THCS Trần Phú	14	0	0	0	Ca 6
167	Xã Trà Liên	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Núi	8	0	0	0	Ca 6
168	Xã Trà Liên	Trường THCS Phương Đông	14	0	0	0	Ca 6
169	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc	12	9	0	0	Ca 6
170	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Nam	13	4	3	0	Ca 6
171	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT THCS Trà Linh	17	5	1	0	Ca 6
172	Xã Trà My	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	15	0	0	0	Ca 6
173	Xã Trà My	Trường THCS Nguyễn Du	32	0	0	0	Ca 6
174	Xã Trà My	Trường thcs Nguyễn Huệ	15	0	0	0	Ca 6
175	Xã Trà My	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	15	0	0	0	Ca 6
176	Xã Trà Tân	Trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	16	0	1	0	Ca 6
177	Xã Trà Tân	Trường THCS 19.8	16	0	1	1	Ca 6

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
178	Xã Trà Tập	Trường PTDTBT THCS Võ Nguyên Giáp	18	0	0	0	Ca 6
179	Xã Trà Vân	Trường PTDTBT THCS Trà Vân	17	7	7	0	Ca 6
180	Xã Việt An	Trường TH& THCS Trần Cao Vân	27	1	3	0	Ca 6
181	Xã Việt An	Trường THCS Chu Văn An	25	0	0	0	Ca 6
182	Xã Xuân Phú	Trường THCS Quế Phú	35	10	4	0	Ca 6
183	Xã Xuân Phú	Trường THCS Quế Xuân	33	8	2	1	Ca 6
III TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN							
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	15	0	15	0	Ca 7
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường PTDTNT THCS&THPT Nước Oa	28	2	0	1	Ca 7
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường PTDTNT THCS&THPT Phước Sơn	22	4	0	0	Ca 7
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	6	0	0	4	Ca 7
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Âu Cơ	26	14	3	0	Ca 7
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Bắc Trà My	62	2	1	0	Ca 7
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Cao Bá Quát	61	25	8	0	Ca 7,8
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Chu Văn An	54	4	4	0	Ca 7
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	91	21	40	6	Ca 7,8,9
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	64	10	40	4	Ca 7,8
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	59	57	2	0	Ca 7,8,9
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	53	34	1	0	Ca 7,8

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Hiệp Đức	41	13	6	0	Ca 7
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Hoà Vang	51	7	16	4	Ca 7
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Hùng Vương	54	12	8	2	Ca 7
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	51	3	1	0	Ca 7
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	53	2	1	0	Ca 7
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Khâm Đức	39	20	0	0	Ca 7
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Lê Hồng Phong	47	10	1	0	Ca 7
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Lê Quý Đôn	60	37	1	0	Ca 7,8
21	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Liên Chiểu	59	8	50	0	Ca 7,8
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	43	14	0	0	Ca 7
23	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Lương Thế Vinh	76	15	22	1	Ca 7,8
24	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Lý Tự Trọng	33	14	2	0	Ca 7
25	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nam Trà My	32	20	2	0	Ca 7
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nông Sơn	40	11	0	0	Ca 7
27	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Núi Thành	76	45	6	0	Ca 7,8
28	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Ngô Quyền	68	21	18	1	Ca 7,8
29	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	61	10	49	1	Ca 7,8
30	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Dục	41	2	0	0	Ca 7
31	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	67	25	5	0	Ca 7
32	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Hiền	79	58	5	0	Ca 7,8,9
33	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	42	3	1	0	Ca 8
34	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Huệ	65	64	0	0	Ca 7,8,9
35	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Khuyến	57	40	7	0	Ca 7,8
36	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	65	19	2	1	Ca 8

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
37	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	58	19	34	1	Ca 8,9
38	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Trãi	61	43	17	0	Ca 7,8,9
39	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Trãi-Hội An	51	15	7	0	Ca 8
40	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	47	23	9	0	Ca 8,9
41	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	54	50	2	0	Ca 8,9
42	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phạm Phú Thứ	63	53	10	0	Ca 7,8,9
43	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	31	13	3	0	Ca 8
44	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phan Bội Châu	67	9	1	0	Ca 8
45	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phan Châu Trinh	167	26	110	2	Ca 7,8,9,10
46	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	45	12	19	0	Ca 7,8
47	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Phan Thành Tài	67	35	10	1	Ca 7,8
48	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	26	4	0	0	Ca 8
49	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Quế Sơn	38	27	4	0	Ca 8,9
50	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Sơn Trà	60	15	41	2	Ca 8,9
51	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Tây Giang	21	4	2	0	Ca 8
52	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Tiêu La	56	28	9	2	Ca 8,9
53	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Tố Hữu	31	1	4	2	Ca 9
54	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Tôn Thất Tùng	66	19	40	0	Ca 8,9
55	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Thái Phiên	107	36	53	0	Ca 7,8,9
56	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	53	40	10	0	Ca 8,9
57	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Thanh Khê	65	18	35	1	Ca 8,9
58	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Cao Vân	74	13	1	0	Ca 9

<i>Stt</i>	<i>Trực thuộc Sở/Xã/phường</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng số giáo viên của đơn vị</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 2</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 3</i>	<i>Số giáo viên tự đánh giá năng lực bậc 4</i>	<i>Ca khảo sát</i>
59	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	30	22	1	0	Ca 9
60	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Hưng Đạo	56	20	7	1	Ca 9
61	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Phú	107	22	38	2	Ca 8,9
62	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Phú - Việt An	35	0	1	0	Ca 9
63	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Quý Cáp	54	24	7	1	Ca 8,9
64	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Trần Văn Dư	42	11	10	8	Ca 9
65	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Võ Chí Công	49	25	22	1	Ca 8,9
66	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	18	2	0	0	Ca 9
67	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	43	36	1	0	Ca 8,9
68	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm GDTX Số 1	23	3	15	0	Ca 9
69	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm GDTX Số 2	34	8	0	0	Ca 9
70	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm GDTX số 3	21	17	4	0	Ca 9

Phụ lục 3

Danh sách Ban Tổ chức khảo sát và Tổ kỹ thuật

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-TCCB ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị:.....

<i>Stt</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Số điện thoại (zalo)</i>
I	Ban Tổ chức khảo sát			
1	Trưởng Ban			
2	Phó Trưởng ban			
3	Thư ký			
4	Cán bộ giám sát			
II	Tổ kỹ thuật			
1	Tổ trưởng			
2	Cán bộ kỹ thuật			